TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2023/HS-PT
Ngày: 17/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huờn.
Ông Trần Duy Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 145/TLPT-HS, ngày 06 tháng 6 năm 2023, đối với các bị cáo Y T Triếk và 04 bị cáo về tội "Huỷ hoại rừng". Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Y T Triêk. (Tên gọi khác: Ma Đ), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: M'Nông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y L Bkrông (đã chết) và bà H W Triêk (đã chết); Có vợ là H R Buôn Krông và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án; tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Y K Cil. (Tên gọi khác: Ma D), sinh ngày 03 tháng 5 năm 1984 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: M'Nông; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y Đ Jiê (đã chết) và bà H D Cil; Có vợ là H R Triêk và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Y S1 Triêk. (Tên gọi khác: Ma C), sinh ngày 11 tháng 11 năm 1991 tại tỉnh

Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn J, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: M'Nông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y N Du (đã chết) và bà H D Triêk; Có vợ là H V Cil và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án; tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Y S Cil. (Tên gọi khác: Ma L), sinh ngày 25 tháng 01 năm 1986 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn J, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; dân tộc: M'Nông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y B Jiê (đã chết) và bà H A Cil (đã chết); Có vợ là H D Bkrông và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Y K1 Sruk. (Tên gọi khác: Ma N), sinh ngày 21 tháng 11 năm 1982 tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn J, xã Đ, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: M'Nông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y S Bkrông và bà H A Sruk (đã chết); Có vợ là H D Cil và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án; tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

Bà **Nguyễn Thị X** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk bào chữa cho bị cáo Y K1 Sruk, Y S Cil và Y S1 Triêk. Có mặt.

Ông **Ngô Đình K** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk bào chữa cho bị cáo Y K Cil và Y T Triêk. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh B – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Thanh B: Bà H B1 Liêng – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Công ty Cổ phần tập đoàn T.

Địa chỉ: KP 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc công ty cổ phần tập đoàn T, chi nhánh Đắk Lắk: Ông Hán Quang T – Phó Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn T, chi nhánh Đắk Lắk. vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị H V Cil, sinh năm 1989. vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn J, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Chị H D Bkrông, sinh năm 1982. vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn J, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Chị H D Cil, sinh năm 1981. vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn J, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người phiên dịch: Chị H Đ Phôk– Địa chỉ: Buôn K, xã N, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 02/2022, Y T Triêk cùng Y K Cil đem theo dao đến phát, chặt các loại cây gỗ nhỏ, cây le, bụi lồ ô khoảng 06 ngày với diện tích 6.422,6m^2 rừng tự nhiên, quy hoạch rừng sản xuất tại lô 93b, 105a, khoảnh 2, tiểu khu 1400, thuộc xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, do Công ty cổ phần tập đoàn T quản lý và diện tích 3.000,9m^2 rừng tự nhiên, quy hoạch rừng sản xuất tại lô 100, 101a, khoảnh 2, tiểu khu 1400 thuộc xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L quản lý. Sau khi chặt, phát cây rừng, khoảng một tháng sau khi cây khô, Y T Triêk và Y K Cil vào đốt rồi chia khu vực đất rừng đã đốt mỗi người 1/2 diện tích và dọn sạch cây cháy còn sót lại để lấy đất trồng lúa.

Khoảng tháng 03/2022, Y K1 Sruk cùng Y S1 Triêk và Y S Cil đem theo dao đến chặt, phát các loại cây thân gỗ xen lẫn một số bụi le, lồ ô khoảng 06 ngày với diện tích 22.670,2m^2 rừng tự nhiên, quy hoạch rừng sản xuất, tại lô 107a, 108b, khoảnh 2, tiểu khu 1400, thuộc xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, do Công ty cổ phần tập đoàn Tân Mai quản lý. Y S1 Triêk, Y S Cil và Y K1 Sruk thống nhất phân chia làm 3 phần từ trên đỉnh đồi xuống, Y S1 Triêk lấy phần đất ở giữa, Y S Cil và Y K1 Sruk lấy phần đất ở 2 bên rìa. Sau khi chặt, phát cây rừng, khoảng một tháng sau khi cây khô Y S1 Triêk đi đốt diện tích rừng đã chặt, phát. Sau khi đốt lần đầu, trên đất chỉ còn lại thân, cành cây chưa cháy hết. Y S1 Triêk cùng vợ là H Viêng Cil, Y S Cil cùng vợ là H Dlang Bkrông, Y K1 Sruk cùng vợ là H Dang Cil tiếp tục đi gom các cây cháy còn sót lại đốt, để lấy đất trồng lúa.

Tại Kết luận giám định ngày 22/08/2022, của Tổ giám định tập thể Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk, trường Đại học T và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk kết luận về diện tích rừng bị hủy hoại:

- Vị trí các lô 93b, 105a, khoảnh 2, tiểu khu 1400: diện tích 9.894m^2; loại rừng: rừng tự nhiên, quy hoạch rừng sản xuất; đơn vị chủ rừng: Công ty cổ phần tập đoàn T.

- Vị trí các lô 107a, 108b khoảnh 2, tiểu khu 1400: diện tích 29.087m^2; loại rừng: rừng tự nhiên, quy hoạch rừng sản xuất; đơn vị chủ rừng: Công ty cổ phần tập đoàn T.

- Vị trí các lô 100, 101a: diện tích 6.001m^2, đơn vị chủ rừng: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; loại rừng: rừng tự nhiên quy hoạch rừng sản xuất.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 19/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk kết luận về diện tích rừng bị hủy hoại của từng nhóm đối tượng:

- Vị trí, ranh giới khu vực chặt phá, hủy hoại rừng của nhóm Y S1 Triêk, Y K1 Sruk, Y S Cil nằm trong ranh giới hiện trường tại lô 107a, 108b, khoảnh 2, tiểu khu 1400 thuộc xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk là 22.670,2m^2.

- Vị trí, ranh giới khu vực chặt phá, hủy hoại rừng của nhóm gồm Y T Triêk, Y K Cil nằm trong ranh giới hiện trường tại lô 93b, 105a, khoảnh 2, tiểu khu 1400 thuộc xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk diện tích là 6.422,6m^2.

- Vị trí, ranh giới khu vực chặt phá, hủy hoại rừng của nhóm Y T Triêk, Y K Cil nằm trong ranh giới hiện trường tại các lô 100, 101a, khoảnh 2, tiểu khu 1400 thuộc xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk diện tích là 3.000,9m^2.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 08/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Lắk kết luận thiệt hại về lâm sản và môi trường rừng:

- Diện tích 22.670,2m^2 rừng do các bị cáo Y S1 Triêk, Y S Cil, Y K1 Sruk hủy hoại - nằm trong phạm vi hiện trường lô 107a, 108b khoảnh 2, tiểu khu 1400, thuộc xã Đ, huyện L, Đắk Lắk - giá trị thiệt hại: 105.829.000 đồng.

- Diện tích 9.423,5m^2 rừng do các bị cáo Y T Triêk, Y K Cil hủy hoại gồm: 6.422,6m^2 rừng nằm trong phạm vi hiện trường lô 93b, 105a, khoảnh 2, tiểu khu 1400, thuộc xã Đ, huyện L, Đắk Lắk - giá trị thiệt hại: 29.982.000 đồng.

- Diện tích 3.000,9m^2 rừng nằm trong phạm vi hiện trường lô 100, 101a khoảnh 2, tiểu khu 1400, thuộc xã Đ, huyện L, Đắk Lắk, không xác định diện tích từng loại rừng để định giá.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Y T Triêk, Y K Cil, Y S1 Triêk, Y S Cil và Y K1 Sruk phạm tội "Hủy hoại rừng".

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Y T Triêk (tên gọi khác: Ma Đ) 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Y K Cil (tên gọi khác: Ma D) 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

- Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Y S1 Triêk (tên gọi khác: Ma C) 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Y S Cil (tên gọi khác: Ma L) 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Y K1 Sruk (tên gọi khác: Ma N) 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/4 và ngày 02/5/2023, các bị cáo Y T Triêk, Y K Cil, Y S1 Triêk, Y K1 Sruk và Y S Cil, có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung đã nêu tại bản án sơ thẩm vụ và khẳng định các bị cáo bị truy tố, xét xử về tội "Huỷ hoại rừng" là đúng người, đúng tội và không oan. Các bị cáo cho rằng nguyên nhân phạm tội là vì điều kiện hoàn cảnh khó khăn, không có đất sản xuất nên mới phát rừng để lấy đất trồng lúa. Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Y T Triêk, Y K Cil về tội "Huỷ hoại rừng" theo khoản 1 Điều 243 và bị cáo Y S1 Triêk, Y K1 Sruk và Y S Cil theo khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự, là có căn cứ, đúng người đúng tội. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã bồi thường thiệt hại do các bị cáo gây ra. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y T Triêk, Y K Cil 09 (chín) tháng tù. Thời gian thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Y S1 Triêk, Y K1 Sruk và Y S Cil từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Về tội danh người bào chữa thống nhất quan điểm với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong

nhà, là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp, nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Sau khi xét xử sơ thẩm mặc dù hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nhưng các bị cáo đã nộp tiền theo bản án sơ thẩm để khắc phục hậu quả. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của khung hình phạt để cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và trở về cùng gia đình nuôi dạy con cái.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Y T Triêk, Y K Cil, Y S1 Triêk, Y K1 Sruk và Y S Cil tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng tháng 02/2022, Y T Triêk cùng Y K Cil đã phát, chặt cây rừng tại lô 93b, 105a, khoảnh 2, tiểu khu 1400, thuộc xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, loại rừng tự nhiên, quy hoạch sản xuất, do Công ty cổ phần tập đoàn T quản lý, có diện tích 6.422,6m^2 và các lô 100, 101a, khoảnh 2, tiểu khu 1400, thuộc xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, loại rừng tự nhiên, quy hoạch sản xuất, do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk quản lý, có diện tích 3.000,9m^2. Sau đó đốt, dọn cây để lấy đất trồng lúa. Cũng trong khoảng thời gian tháng 03/2022, Y K1 Sruk, Y S1 Triêk và Y S Cil đã chặt, phát cây rừng tại lô 107a, 108b, khoảnh 2, tiểu khu 1400, thuộc xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, loại rừng tự nhiên, quy hoạch rừng sản xuất, do Công ty cổ phần tập đoàn T quản lý, có diện tích 22.670,2m^2. Sau đó đốt cây rừng, dọn cây để lấy đất trồng lúa.

Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử Y T Triêk, Y K Cil bị cáo về tội "Huỷ hoại rừng" theo Điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự và bị cáo Y S1 Triêk, Y K1 Sruk và Y S Cil về tội "Huỷ hoại rừng" theo Điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự, là có căn cứ và đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Y T Triêk, Y K Cil và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Y S1 Triêk, Y K1 Sruk và Y S Cil, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "*Huỷ hoại rừng*" là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, tương xứng. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã khắc phục hậu quả và nộp tiền bồi thường sung ngân sách nhà nước số tiền phải bồi thường theo bản án sơ thẩm mặc dù

gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn nên cần áp điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo. Xét thấy các Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS và giảm nhẹ một phần hình phạt cho tất cả các bị cáo.

Đối với bị cáo Y T Triêk, Y K Cil, xét thấy việc áp dụng hình phạt tù và cách ly cách các bị cáo khỏi xã hội là không cần thiết. Bởi bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng ngoài lần vi phạm này các bị cáo chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, giao các bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương sát giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhà nước ta.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Y T Triêk, Y K Cil, Y S1 Triêk, Y K1 Sruk và Y S Cil – Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2023/HS-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Y T Triêk, Y K Cil, Y S1 Triêk, Y K1 Sruk và Y S Cil phạm tội "Huỷ hoại rừng"

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Y T Triêk (tên gọi khác: Ma Đ) **09** (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Y K Cil (tên gọi khác: Ma D) **09** (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Y T Triêk và Y K Cil cho UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk là nơi các bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

- Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 khoản 1, Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Y S1 Triêk (tên gọi khác: Ma C) 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Y S Cil (tên gọi khác: Ma L) 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Y K1 Sruk (tên gọi khác: Ma N) 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

[2] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Công an huyện Lắk;
- Chi Cục THADS huyện L;
- UBND xã Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung